

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1668 /QLCL-KĐCLGD
V/v thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá
ban hành kèm theo Công văn
số 768/QLCL-KĐCLGD

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kính gửi:

- Các đại học, học viện, trường đại học;
- Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Ngày 20/4/2018, Cục Quản lý chất lượng đã ban hành Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Sau một thời gian triển khai, Cục Quản lý chất lượng đã nhận được ý kiến góp ý từ các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cơ sở giáo dục đại học về *Bảng hướng dẫn đánh giá* kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD.

Để việc thực hiện đánh giá cơ sở giáo dục đại học phù hợp với thực tiễn và thống nhất giữa các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, Cục Quản lý chất lượng ban hành kèm theo Công văn này *Bảng hướng dẫn đánh giá* để thay thế cho *Bảng hướng dẫn đánh giá* kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Đề nghị các đơn vị nghiên cứu hướng dẫn tại Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD và *Bảng hướng dẫn đánh giá* kèm theo Công văn này để thực hiện việc đánh giá cơ sở giáo dục đại học.

Trong quá trình triển khai, nếu có những vướng mắc hoặc đề xuất, đề nghị liên hệ với Phòng Kiểm định chất lượng giáo dục, Cục Quản lý chất lượng, địa chỉ: 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội; e-mail: phongkdclgd@moet.gov.vn để nghiên cứu, xử lý kịp thời.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Nguyễn Văn Phúc (để b/c);
- Cục Nhà trường (Bộ Quốc phòng);
- Cục Đào tạo (Bộ Công an);
- Vụ GDĐH;
- Lưu: VT, KĐCLGD.

CỤC TRƯỞNG


Mai Văn Trinh

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

BẢNG HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

Theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học

(Kèm theo Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng)

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mốc chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa			
TC 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	- CSGD có tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng. - Có sự tham gia của các bên liên quan (cán bộ quản lý, GV, NH, nhà sử dụng lao động, các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, ...) trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng. - Nội dung tuyên bố về tầm nhìn, sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của CSGD; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của ngành và/hoặc địa phương, cả nước. - Lãnh đạo CSGD có các kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định.	- Văn bản tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng có phê duyệt của lãnh đạo CSGD*. - Các tài liệu họp bàn, các bản tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan tham gia xây dựng tầm nhìn, sứ mạng của CSGD*. - Trang thông tin điện tử, các tài liệu giới thiệu về CSGD, các văn bản về chức năng, nhiệm vụ/kế hoạch/chiến lược của CSGD. - Chiến lược phát triển ngành, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương/cả nước còn hiệu lực. - Các văn bản của CSGD về việc xây dựng tầm nhìn, sứ mạng*.
TC 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của	Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	- CSGD có công bố chính thức giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của CSGD. - Giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của CSGD được xác định từ các giá trị/truyền thống của CSGD nhằm thúc đẩy các hành vi mong muốn của CSGD để đạt được mục tiêu chiến lược của CSGD, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng.	- Văn bản tuyên bố chính thức về giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của CSGD*. - Các kế hoạch hành động, truyền thông về giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của CSGD*. - Các tài liệu họp bàn, các bản tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan tham gia xây dựng kế hoạch hành động, nhiệm vụ ưu tiên để giữ

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
CSGD.		3. Lãnh đạo CSGD xây dựng kế hoạch nhằm phổ biến và hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong CSGD xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của CSGD.	gìn bản sắc, văn hóa, thương hiệu của CSGD*. - Trang thông tin điện tử, các tài liệu giới thiệu về CSGD, các văn bản về chức năng, nhiệm vụ/kế hoạch/chiến lược của CSGD. - Các bảng/biên thông báo trong khuôn viên của CSGD có phát biểu về giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi của CSGD.
TC 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.	1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến để thực hiện. 2. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.	1. CSGD có truyền thông, phổ biến về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa đến các bên liên quan. 2. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được quán triệt và giải thích rõ ràng cho các bên liên quan trong CSGD để thực hiện.	- Văn bản tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa của CSGD*. - Các tài liệu liên quan đến việc triển khai các kế hoạch hành động, truyền thông, phổ biến về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD*. - Các tài liệu họp bàn, các bản tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan tham gia xây dựng kế hoạch hành động, nhiệm vụ ưu tiên để đạt được sứ mạng, tầm nhìn và để giữ gìn bản sắc và văn hóa, thương hiệu của CSGD*. - Các bảng/biên thông báo trong khuôn viên của CSGD có tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa*. - Trang thông tin điện tử, các tài liệu giới thiệu về CSGD, các văn bản về chức năng, nhiệm vụ/kế hoạch/chiến lược của CSGD, ... - Các chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển CSGD dài hạn, trung hạn, kế hoạch hoạt động hằng năm.
TC 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của	1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	1. Có đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc rà soát. 2. Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	- Các văn bản giao nhiệm vụ cho đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc rà soát tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa*. - Báo cáo kết quả rà soát về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa*. - Các tài liệu họp bàn, bản tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan tham gia rà soát, điều

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
các bên liên quan.		3. Có báo cáo kết quả rà soát về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi.	chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của CSGD*. - Các nghị quyết của Đảng ủy, các văn bản về chiến lược, chính sách của CSGD qua các thời kỳ. - Biên bản các cuộc họp của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị, các quyết nghị có liên quan đến tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá.
TC 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. 2. Quy trình xây dựng và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	1. Có quy trình, đơn vị/bộ phận giám sát, rà soát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa. 2. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. 3. Quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được cải tiến ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.	- Các văn bản phân công cho đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa*. - Văn bản điều chỉnh về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD*. - Các quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa*. - Dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả cải tiến, ý kiến phản hồi của các bên liên quan về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD*. - Các nghị quyết của Đảng ủy, các văn bản về chiến lược, chính sách của CSGD qua các thời kỳ. - Biên bản các cuộc họp của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị, các quyết nghị về sự thay đổi trong tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa.
Tiêu chuẩn 2. Quản trị			
TC 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng	1. Hệ thống quản trị được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù	1. CSGD có thành lập hội đồng quản trị/hội đồng trường; có các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn đáp ứng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các quy định khác của pháp luật và các quy định của	- Các quyết định thành lập các đơn vị trong CSGD trong đó có hội đồng quản trị/hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác*. - Các văn bản thể hiện trách nhiệm giải trình,

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.	hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD. 2. Hệ thống quản trị đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.	đơn vị chủ quản. 2. Hội đồng quản trị/hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; có các văn bản thể hiện trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động. 3. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của CSGD.	tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động của hội đồng quản trị/hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn*. - Quy chế tổ chức và hoạt động của CSGD đã được phê duyệt. - Cơ cấu tổ chức trên trang thông tin điện tử và/hoặc trong tài liệu giới thiệu chính thức của CSGD. - Các đề án thành lập các đơn vị trong CSGD, trong đó có hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn. - Văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của tất cả đơn vị, các tổ chức trong CSGD. - Các quyết định bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ của tất cả các đơn vị, các tổ chức trong CSGD. - Biên bản các cuộc họp Ban giám hiệu, hội đồng trường/hội đồng quản trị, hội đồng tư vấn, các tổ chức đảng, đoàn thể có liên quan.
TC 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.	Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.	1. Các nghị quyết/quyết định/kết luận của Đảng ủy, hội đồng quản trị/hội đồng trường, Ban giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức đoàn thể khác, các hội đồng tư vấn (hội đồng ĐBCL, hội đồng khoa học và đào tạo, ...) được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn. 2. Các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn được triển khai thực hiện.	- Các nghị quyết/quyết định của cơ quan quản trị*. - Các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn của cơ quan quản trị*. - Biên bản các cuộc họp Ban giám hiệu, hội đồng trường/hội đồng quản trị, hội đồng tư vấn, các tổ chức Đảng, Đoàn thể có liên quan.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.	Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.	1. Định kỳ hằng năm rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị. 2. Có báo cáo tổng kết, đánh giá hằng năm của các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị. 3. Nhân sự tham gia các đơn vị, bộ phận trong hệ thống quản trị và các văn bản của hệ thống quản trị được đánh giá hằng năm.	- Kế hoạch kiểm tra, đánh giá, giám sát hằng năm của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị*. - Báo cáo tổng kết, đánh giá hằng năm; báo cáo giữa nhiệm kỳ; báo cáo cuối nhiệm kỳ (theo kỳ đại hội) của các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị*. - Các nhận xét, đánh giá về năng lực lãnh đạo, quản lý của các nhân sự tham gia các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị*. - Hệ thống văn bản quản lý của CSGD; các quyết định thành lập, điều chỉnh về cơ cấu tổ chức nhân sự của CSGD*. - Các biên bản kiểm tra, báo cáo đánh giá của các tổ chức cấp trên.
TC 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.	Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.	1. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận được điều chỉnh phù hợp với các quy định của CSGD và các quy định khác của đơn vị chủ quản để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn. 2. Nhân sự tham gia các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị được điều chỉnh và/hoặc được nâng cao năng lực để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn. 3. Hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý của CSGD được điều chỉnh phù hợp với các thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản trị của CSGD.	- Các quyết định thành lập, điều chỉnh, các biên bản, báo cáo đánh giá về cơ cấu tổ chức nhân sự của CSGD; các quyết định bổ nhiệm/bãi nhiệm, điều chuyển, ... về nhân sự*. - Các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nhân sự của hệ thống quản trị*. - Hệ thống văn bản quản lý của hệ thống quản trị trước và sau cải tiến*. - Các báo cáo về việc cải thiện hệ thống quản trị và giảm thiểu rủi ro.
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý			

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	1. Có cơ cấu quản lý rõ ràng. Các đơn vị/bộ phận/các tổ chức được thành lập mới căn cứ trên kế hoạch, định hướng chiến lược phát triển đã được phê duyệt và phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD. 2. Có văn bản quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý. 3. Nhân sự tham gia cơ cấu quản lý được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo.	- Cơ cấu tổ chức quản lý của CSGD*. - Văn bản quy định vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý*. - Các bản mô tả công việc, đề án vị trí việc làm, các quyết định liên quan đến nhân sự tham gia cơ cấu quản lý*. - Quy chế tổ chức và hoạt động của CSGD; hội đồng trường/hội đồng quản trị, ... - Các quyết định bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý.
TC 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc truyền tải các thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	1. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc truyền tải các thông tin về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD. 2. Lãnh đạo CSGD kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	1. Lãnh đạo CSGD tham gia kết nối, tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của CSGD. 2. Lãnh đạo CSGD tổ chức các hoạt động tuyên truyền về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của CSGD đến các bên liên quan.	- Văn bản chỉ đạo việc tuyên truyền để định hướng về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của CSGD*. - Kế hoạch và các tài liệu liên quan đến các hoạt động tuyên truyền về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD đến các bên liên quan*. - Các minh chứng thể hiện các bên liên quan có hiểu biết về tầm nhìn, sứ mạng của CSGD*. - Thông tin về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD trên biển, bảng, trang thông tin điện tử, tờ rơi, ... - Các video, hình ảnh, hội thảo, diễn đàn, ... về các hoạt động tuyên truyền có sự tham gia của lãnh đạo CSGD và các bên liên quan.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.	Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.	1. Cơ cấu quản lý được định kỳ rà soát. 2. Các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý được định kỳ rà soát. 3. Nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo và quản lý được đánh giá định kỳ hằng năm. 4. Thực hiện quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, bộ phận theo quy định.	- Báo cáo rà soát cơ cấu quản lý hằng năm*. - Báo cáo rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý*. - Biên bản đánh giá viên chức, công chức, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định của Luật Viên chức/Luật Công chức/Luật Lao động,...*. - Các hồ sơ quy hoạch lãnh đạo, quản lý của CSGD*. - Bản mô tả/Đề án vị trí việc làm của CSGD. - Báo cáo tổng kết đánh giá hằng năm của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị, Ban giám hiệu.
TC 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn.	Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng kết quả và hiệu quả quản lý.	1. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến dựa trên kết quả rà soát, đánh giá. 2. Các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý được điều chỉnh, bổ sung nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn. 3. Nhân sự tham gia cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được điều chỉnh, luân chuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc.	- Cơ cấu lãnh đạo và quản lý trước và sau cải tiến*. - Các văn bản điều chỉnh, bổ sung quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý*. - Các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quyết định luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý*. - Các hồ sơ quy hoạch lãnh đạo và quản lý của CSGD.
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược			

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	1. CSGD thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược. 2. Kế hoạch chiến lược hướng đến việc đạt được tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	1. Có bộ phận phụ trách công tác xây dựng, theo dõi kế hoạch chiến lược của CSGD. 2. Có quy trình/hướng dẫn xây dựng kế hoạch chiến lược tổng thể; kế hoạch chiến lược theo từng lĩnh vực (nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng). 3. Kế hoạch chiến lược được xây dựng, ban hành và còn hiệu lực phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	- Văn bản giao nhiệm vụ/quyết định thành lập bộ phận/nhóm phụ trách công tác xây dựng kế hoạch chiến lược*. - Văn bản hướng dẫn quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược*. - Các biên bản, các ý kiến phản hồi của các bên liên quan đóng góp vào các kế hoạch chiến lược của CSGD*. - Kế hoạch chiến lược của CSGD; các chiến lược thành phần; các kế hoạch hành động của các đơn vị nhằm hoàn thành các kế hoạch chiến lược; các biện pháp quản trị rủi ro*. - Các kết luận, nghị quyết của Đảng ủy, nghị quyết của HĐ trường/Hội đồng quản trị, các văn bản của Ban giám hiệu.
TC 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.	1. CSGD có kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cụ thể hóa kế hoạch chiến lược của CSGD. 2. Kế hoạch chiến lược phát triển, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn được quán triệt đến các bên liên quan để biết và thực hiện.	1. Có các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cụ thể hóa kế hoạch chiến lược của CSGD theo từng lĩnh vực (nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, ...) được ban hành và còn hiệu lực. 2. Công bố, phổ biến kế hoạch chiến lược, các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn theo từng lĩnh vực để các bên liên quan biết và thực hiện. 3. Các đơn vị, bộ phận, các khoa/bộ môn cụ thể hoá và triển khai các hoạt động nhằm hoàn thành các kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn.	- Kế hoạch chiến lược phát triển của CSGD đã được phê duyệt*. - Các kế hoạch hành động, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn của CSGD*. - Các báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo rà soát đánh giá của CSGD về việc thực hiện các kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn của CSGD*. - Trang thông tin điện tử có công bố các kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn của CSGD. - Các quy trình trong xây dựng, triển khai, theo dõi việc thực hiện kế hoạch.
TC 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu	Thiết lập các chỉ số thực hiện chính (KPIs), các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường mức độ thực	1. Xây dựng các KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính (về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng).	- Văn bản kế hoạch chiến lược của CSGD đã được phê duyệt*. - Các kế hoạch hằng năm, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn của CSGD*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.	hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD.	2. Các KPIs, các chỉ tiêu phần đầu chính đảm bảo rõ ràng, đo lường được, có tính khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện. 3. Giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số/chỉ báo thực hiện chính, các chỉ tiêu phần đầu chính so với các mục tiêu chiến lược.	- Các báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo rà soát đánh giá của CSGD về việc thực hiện các kế hoạch chiến lược, kế hoạch hằng năm, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn của CSGD*. - Trang thông tin điện tử có công bố các kế hoạch chiến lược, kế hoạch hằng năm, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn của CSGD. - Biên bản các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuyên đề về xây dựng, rà soát, điều chỉnh kế hoạch. - Các quy trình trong xây dựng, triển khai, theo dõi việc thực hiện kế hoạch.
TC 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.	1. Quá trình lập kế hoạch chiến lược được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD. 2. Các KPIs, các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.	1. Thực hiện cải tiến quá trình lập kế hoạch chiến lược để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD. 2. Thực hiện đối sánh, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược để đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm đạt mục tiêu chiến lược và có biện pháp điều chỉnh phù hợp. 3. Ban hành các văn bản bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược và các KPIs, các chỉ tiêu phần đầu chính.	- Văn bản cải tiến quá trình lập kế hoạch chiến lược*. - Văn bản thể hiện sự đối sánh, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược*. - Văn bản điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược, chỉ tiêu, KPIs được phê duyệt*. - Các kế hoạch hằng năm, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn của CSGD. - Trang thông tin điện tử có công bố các kế hoạch chiến lược, kế hoạch hằng năm, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn của CSGD. - Các thông báo, quyết định điều chỉnh kế hoạch, chiến lược. - Biên bản các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuyên đề để cải tiến, điều chỉnh kế hoạch. - Các báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo rà soát đánh giá của CSGD về việc thực hiện các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn của CSGD.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng			
TC 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	CSGD có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	1. Có phân công các đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Có văn bản hướng dẫn, kế hoạch tập huấn về việc xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 3. Nội dung các chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước (đáp ứng các yêu cầu quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các thông tư và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo); phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của CSGD. 4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được lấy ý kiến các bên liên quan; được cụ thể hóa bằng văn bản và được lãnh đạo CSGD phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện.	- Các văn bản phân công nhiệm vụ cho các đơn vị/bộ phận xây dựng chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Văn bản hướng dẫn, kế hoạch tập huấn về việc xây dựng các chính sách*. - Các văn bản ban hành chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Các tài liệu liên quan đến việc lấy ý kiến các bên liên quan về các chính sách*. - Các nghị quyết của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị; các quyết định của ban giám hiệu về các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Biên bản các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuyên đề. - Các văn bản quản lý về đào tạo, NCKH và dịch vụ của CSGD.
TC 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.	1. CSGD có văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách. 2. Văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được phổ biến và thực hiện.	1. Có phân công đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Có ban hành văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 3. Có phổ biến các quy định về việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 4. Định kỳ hằng năm, có báo cáo về việc triển khai thực hiện việc giám sát các chính sách.	- Văn bản phân công đơn vị/bộ phận theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách*. - Văn bản về quy trình giám sát*. - Tài liệu phổ biến các quy định về thực hiện, theo dõi, giám sát các chính sách*. - Các báo cáo hằng năm về giám sát việc thực hiện các chính sách*. - Các nghị quyết của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị; các quyết định của ban giám hiệu về các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Biên bản các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuyên đề có liên quan.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.	Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.	1. Có quy định về việc định kỳ rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Định kỳ hằng năm thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo kế hoạch.	- Các quy định về rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Các báo cáo đánh giá, rà soát hằng năm về việc thực hiện các chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Các nghị quyết của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị; các quyết định của Ban giám hiệu về các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Biên bản các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuyên đề có liên quan.
TC 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	1. Thực hiện việc cải tiến, điều chỉnh các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng dựa trên kết quả rà soát, đánh giá. 2. Các bên liên quan hài lòng đối với các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	- Các văn bản về chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trước và sau cải tiến*. - Tài liệu liên quan đến sự phản hồi của các bên liên quan đến chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Các nghị quyết của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị; các quyết định của ban giám hiệu về các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Biên bản các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuyên đề có liên quan.
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực			
TC 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và	Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	1. Có kế hoạch đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Có quy hoạch/kế hoạch phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc đánh giá nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, tuân thủ các quy định hiện hành.	- Văn bản quy hoạch/kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của CSGD*. - Báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị trong CSGD*. - Chiến lược phát triển đội ngũ/đề án vị trí việc làm*. - Dữ liệu đội ngũ nhân lực trong đó có cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn,...

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
phục vụ cộng đồng.			dữ liệu về các hoạt động đào tạo, các nghiên cứu và công bố; dữ liệu các hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ, GV, nhân viên. - Các nghị quyết, kết luận của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị, các quyết định về công tác nhân sự.
TC 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.	1. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên (bao gồm đạo đức và tự do học thuật) để đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định. 2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên (bao gồm đạo đức và tự do học thuật) để đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được phổ biến công khai.	1. Có văn bản quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên đáp ứng các quy định hiện hành. 2. Có văn bản quy định về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự. 3. Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau.	- Các văn bản quy định về tiêu chuẩn quy trình, tiêu chí tuyển dụng*. - Các văn bản quy định về tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự*. - Trang thông tin điện tử và các tài liệu có phổ biến các quy trình, quy định, tiêu chí tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm*. - Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động; hồ sơ cán bộ, GV, nhân viên; văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận quốc gia và chứng chỉ nghề nghiệp. - Hệ thống văn bản quy định về công tác đánh giá cán bộ, GV và nhân viên. - Báo cáo đánh giá cán bộ hằng năm. - Các nghị quyết, kết luận của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị, các quyết định của chính quyền về công tác nhân sự.
TC 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau.	Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau.	1. Có bản mô tả các năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau. 2. Có văn bản quy định về các tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên.	- Văn bản quy định về các tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên*. - Bản mô tả vị trí công việc: khối lượng công việc của cán bộ, GV, nhân viên*. - Kế hoạch chiến lược của CSGD trong đó có kế hoạch nguồn nhân lực; đề án vị trí việc làm. - Dữ liệu đội ngũ nhân lực trong đó có cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn; dữ liệu về các nghiên cứu và công bố; dữ liệu các

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
			hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ, GV, nhân viên. - Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động; hồ sơ cán bộ, GV, nhân viên; văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận quốc gia và chứng chỉ nghề nghiệp. - Tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng; quy hoạch cán bộ, GV, nhân viên. - Các nghị quyết, kết luận của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị, các quyết định của chính quyền về công tác nhân sự.
TC 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.	1. Xác định rõ được nhu cầu về đào tạo và phát triển của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên. 2. Triển khai các hoạt động đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên.	1. Có quy trình xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, GV và nhân viên ở các cấp trong CSGD. 2. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn được xây dựng dựa trên yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH, nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của CSGD. 3. Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được triển khai thực hiện. 4. Đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn trung bình ít nhất 1 lượt trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.	- Các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên*. - Hồ sơ, tài liệu liên quan đến triển khai xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên hằng năm và theo giai đoạn*. - Hồ sơ, tài liệu liên quan đến triển khai hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên hằng năm và theo giai đoạn*. - Báo cáo/biên bản/ý kiến phản hồi của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn*. - Dữ liệu về trình độ chuyên môn, kết quả NCKH và phục vụ cộng đồng của cán bộ, GV, nhân viên trước và sau khi triển khai các hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ. - Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; đề án vị trí việc làm. - Kinh phí đào tạo phát triển đội ngũ.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	1. Việc quản trị theo kết quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên được triển khai. 2. Việc quản trị kết quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên để thúc đẩy và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	1. Có xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên. 2. Việc đánh giá kết quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên được thực hiện công khai, minh bạch. 3. Có dữ liệu và báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên. 4. Kết quả đánh giá được sử dụng trong công tác thi đua khen thưởng, công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền. 5. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ để xác định đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng để hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	- Các nghị quyết, kết luận của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị, các quyết định của chính quyền về công tác nhân sự. - Quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên*. - Hồ sơ/báo cáo/quy định về sự tham gia của cán bộ, GV, nhân viên trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc*. - Dữ liệu/báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên*. - Hệ thống đánh giá và hệ thống khen thưởng; chế độ, chính sách thi đua, khen thưởng*. - Dữ liệu, báo cáo kết quả thi đua, khen thưởng*. - Các kế hoạch và kinh phí đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng dựa trên kết quả đánh giá*. - Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; Đề án vị trí việc làm. - Dữ liệu thống kê cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn; dữ liệu về các nghiên cứu và công bố; dữ liệu các hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ, GV, nhân viên. - Các nghị quyết, kết luận của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị, các quyết định của chính quyền về công tác nhân sự. - Hệ thống văn bản quy định về công tác đánh giá cán bộ, GV và nhân viên.
TC 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về	Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.	1. Chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát hằng năm. 2. Việc rà soát, đánh giá về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực căn cứ	- Các báo cáo đánh giá việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực hằng năm*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.		trên các ý kiến đánh giá của cán bộ, GV, nhân viên.	- Văn bản liên quan về sự tham gia của cán bộ, GV, nhân viên vào quá trình rà soát, đánh giá chế độ, chính sách quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực*. - Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. - Hệ thống đánh giá và hệ thống khen thưởng; chế độ, chính sách thi đua, khen thưởng.
TC 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	1. Thực hiện việc cải thiện các chế độ, chính sách dựa trên các kết quả rà soát, đánh giá để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Thực hiện việc cải tiến quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực làm căn cứ đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực.	- Các văn bản/quy trình/quy hoạch/kế hoạch liên quan đến chế độ, chính sách trước và sau cải tiến*. - Các quy trình, quy hoạch nguồn nhân lực trước và sau cải tiến*. - Kế hoạch chiến lược của CSGD trong đó có kế hoạch nguồn nhân lực; đề án vị trí việc làm. - Các kế hoạch phát triển nghề nghiệp và đội ngũ; chính sách nhân sự. - Tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng cán bộ, GV, nhân viên. - Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ. - Hệ thống đánh giá và hệ thống khen thưởng; chế độ, chính sách thi đua, khen thưởng. - Các nghị quyết, kết luận của Đảng ủy, hội đồng trường/hội đồng quản trị, các quyết định của chính quyền về công tác nhân sự.
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất			
TC 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm	1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm	1. Có bộ phận xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Có các văn bản chiến lược, kế hoạch dài	- Chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về công tác tài chính*. - Các đề án/văn bản về tự chủ tài chính của CSGD, hoặc của đơn vị trong CSGD.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mốc chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập. 2. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được vận hành.	hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được ban hành và triển khai thực hiện. 3. Kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được xây dựng căn cứ theo các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân sách, đấu thầu... 4. Các kế hoạch tài chính, kiểm toán, tăng cường nguồn lực được triển khai. 5. Các kế hoạch tài chính được rà soát đánh giá, cập nhật hằng năm; có rà soát, đánh giá, cập nhật cơ cấu nguồn thu, chi trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.	- Thống kê nhu cầu kinh phí cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của CSGD trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (dựa trên dự toán hằng năm)*. - Thống kê, đánh giá về cơ cấu thu, chi của 5 năm của chu kỳ đánh giá (tỷ lệ thu từ tất cả các nguồn)*. - Các báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư tài chính cho các hoạt động và các định hướng cho các năm sau của CSGD*. - Báo cáo kiểm toán trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*. - Các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	1. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập. 2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được vận hành.	1. Có bộ phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Có các kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 3. Cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được đầu tư và bảo trì theo các kế hoạch đã được ban hành. 4. Các kế hoạch về cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được thực hiện và được rà soát đánh giá hằng năm. 5. Có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 6. CSGD cải tiến cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị.	- Văn bản giao nhiệm vụ cho bộ phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng*. - Chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về cơ sở vật chất trang thiết bị*. - Các đề án/văn bản về tự chủ tài chính của CSGD, hoặc của đơn vị trong CSGD đầu tư cho cơ sở vật chất. - Thống kê nhu cầu đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của CSGD cho 5 năm của chu kỳ đánh giá (dựa trên dự toán hằng năm)*. - Các báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị*. - Các báo cáo theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Kết quả khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.
TC 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và	1. Có hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và	1. Có bộ phận quản trị thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng. 2. Các kế hoạch đầu tư về thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được ban hành. 3. CSGD đầu tư mới, bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ	- Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ cho bộ phận quản trị thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng*. - Kế hoạch đầu tư về thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
tăng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	quyền truy cập được thiết lập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được vận hành để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. 4. Các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư hằng năm. 5. Có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. 6. Nâng cấp, cải tiến thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	- Báo cáo kiểm toán trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*. - Các đề án/văn bản về tự chủ tài chính của CSGD, hoặc của đơn vị trong CSGD đầu tư cho thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. - Thống kê nhu cầu kinh phí đầu tư cho thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của CSGD trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (dựa trên dự toán hằng năm)*. - Các báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư, cải thiện thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập*. - Các báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Kết quả khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.
TC 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của	1. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào	1. Có bộ phận quản trị nguồn lực học tập. 2. Các kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được ban hành. 3. CSGD đầu tư mới, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các	- Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ cho bộ phận quản trị nguồn lực học tập*. - Kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến*. - Các đề án/văn bản về tự chủ tài chính của CSGD hoặc của đơn vị trong CSGD đầu tư cho cơ sở vật chất.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập. 2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được vận hành.	nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 4. Hằng năm, rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 5. Có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. 6. Các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cập nhật.	- Thống kê nhu cầu kinh phí đầu tư cho các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của CSGD trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (dựa trên dự toán hằng năm)*. - Các báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến*. - Các báo cáo theo dõi đánh giá các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Kết quả khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.
TC 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.	1. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn có tính đến khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập. 2. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn có tính đến khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được vận hành.	1. Có bộ phận/cá nhân quản trị về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. 2. Các kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được ban hành. 3. CSGD đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. 4. Môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được rà soát, đánh giá hằng năm. 5. Có dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt.	- Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ quản trị môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt*. - Kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt*. - Thống kê nhu cầu kinh phí đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của CSGD cho 5 năm của chu kỳ đánh giá (dựa trên dự toán hằng năm)*. - Các báo cáo về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		6. Môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được cải tiến sau đánh giá, rà soát.	- Các báo cáo theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện đối với môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt*.
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại			
TC 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	1. Có bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại đúng quy định. 2. Có văn bản quản lý về hoạt động đối ngoại; có các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD; có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại; quản lý cán bộ, GV, nhân viên của CSGD đi công tác, học tập trong và ngoài nước. 3. Kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được phổ biến đến các bên liên quan trong CSGD.	- Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động đối ngoại*. - Kế hoạch chiến lược của CSGD trong đó có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại*. - Văn bản quản lý về hoạt động hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế*. - Các hợp đồng, ký kết hợp tác, bản ghi nhớ, thỏa thuận, ... giữa CSGD và đối tác trong và ngoài nước*. - Thông tin về đối ngoại trên trang thông tin điện tử của CSGD*.
TC 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.	Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.	1. Triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại theo kế hoạch; thực hiện các thỏa thuận đã ký kết. 2. Triển khai hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV, NH với đối tác trong và ngoài nước. 3. Chính sách, chủ trương của nhà trường để phát triển các mạng lưới, các mối quan hệ, đối tác trong nước được triển khai thực hiện. 4. Chính sách, chủ trương của nhà trường để phát triển các mạng lưới, các mối quan hệ, đối tác ngoài nước được triển khai thực hiện.	- Kế hoạch chiến lược của CSGD trong đó có hoạt động phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. - Văn bản quản lý về hoạt động đối ngoại trong nước, quốc tế; các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại*. - Các hợp đồng, ký kết hợp tác, bản ghi nhớ, thỏa thuận, ... giữa CSGD và đối tác*. - Thông tin về đối ngoại trên trang thông tin điện tử của CSGD*. - Thống kê về các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức (tên, thời gian, địa điểm, đối tác, kinh phí phân bổ giữa các bên).

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
			- Ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, nhân viên và các bên liên quan. - Thống kê về mạng lưới, mối quan hệ, đối tác.
TC 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.	Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.	1. Hằng năm rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước. 2. Hằng năm rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ ngoài nước.	- Các báo cáo tổng kết, đánh giá hằng năm về hoạt động đối ngoại*. - Kế hoạch chiến lược của CSGD trong đó có kế hoạch đối ngoại phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. - Các hợp đồng, ký kết hợp tác, bản ghi nhớ, thỏa thuận, ... giữa CSGD và đối tác. - Các báo cáo đánh giá tác động dự án đối ngoại (nếu có).
TC 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	1. Có phát triển về số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại hoặc về kết quả hoạt động đối ngoại trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. 2. Thực hiện các biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược.	- Thông tin về đối ngoại trên trang thông tin điện tử của CSGD. - Các báo cáo tổng kết, đánh giá, cải thiện hằng năm về hoạt động đối ngoại*. - Kế hoạch chiến lược của CSGD trong đó có kế hoạch đối ngoại phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. - Các hợp đồng, ký kết hợp tác, bản ghi nhớ, thỏa thuận, ... giữa CSGD và đối tác.
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong			

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	1. Cơ cấu của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD. 2. Vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	1. Có hệ thống ĐBCL bên trong bao gồm trung tâm/bộ phận chuyên trách về ĐBCL (trong đó có người được đào tạo/bồi dưỡng về đảm bảo và KĐCLGD). 2. Có mạng lưới ĐBCL tại các bộ phận/đơn vị trực thuộc của CSGD; có quy định về chức năng nhiệm vụ của trung tâm/bộ phận chuyên trách về ĐBCL và quy định về sự phối hợp ĐBCL nội bộ bên trong CSGD. 3. Có hệ thống văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các hướng dẫn thực hiện để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý. 4. Cán bộ của trung tâm/bộ phận chuyên trách về ĐBCL, của các đơn vị trong CSGD có văn bằng hoặc chứng chỉ, giấy chứng nhận tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến công tác ĐBCL.	- Quyết định thành lập và quy định về chức năng nhiệm vụ của trung tâm/bộ phận ĐBCL*. - Các văn bản quy định, hướng dẫn của CSGD về hoạt động ĐBCL trong CSGD*. - Sơ đồ tổ chức về hệ thống ĐBCL bên trong CSGD*. - Danh sách trích ngang và nhiệm vụ của cán bộ trung tâm/bộ phận chuyên trách ĐBCL, các cán bộ được các đơn vị phân công làm công tác ĐBCL tại các đơn vị*. - Các chứng chỉ bồi dưỡng về ĐBCL của cán bộ trung tâm/bộ phận chuyên trách ĐBCL*. - Kế hoạch ĐBCL hằng năm*.
TC 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng	Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	1. Có kế hoạch chiến lược ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực). 2. Có các chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch chiến lược. 3. Có sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	- Kế hoạch chiến lược ĐBCL, kế hoạch nhiệm vụ hoạt động ĐBCL hằng năm, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các bên liên quan*. - Sổ tay ĐBCL. - Thông tin về ĐBCL trên trang thông tin điện tử của CSGD. - Chính sách ĐBCL của CSGD*. - Các kế hoạch tổ chức, danh mục các khóa tập huấn về ĐBCL*. - Kế hoạch lấy ý kiến hoặc khảo sát các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.			
TC 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.	Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt. 2. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.	1. Có các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về ĐBCL gắn với kế hoạch chiến lược về ĐBCL của CSGD. 2. Phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL theo kế hoạch, trong đó có các hoạt động tập huấn về ĐBCL. 3. Triển khai, quán triệt thực hiện các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch hằng năm.	- Các bản chiến lược ĐBCL, kế hoạch hoạt động ĐBCL dài hạn, kế hoạch nhiệm vụ hoạt động ĐBCL hằng năm*. - Biên bản các cuộc họp, hội thảo để phổ biến kế hoạch hoạt động về ĐBCL trong CSGD*. - Các kế hoạch/báo cáo hoạt động về công tác ĐBCL; các báo cáo hoạt động của trung tâm/bộ phận chuyên trách công tác ĐBCL hằng năm*. - Sổ tay ĐBCL. - Minh chứng về các hoạt động và tài liệu tập huấn về ĐBCL.
TC 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.	1. Hệ thống lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai. 2. Việc rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai. 3. Việc phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.	1. Có hệ thống lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL. 2. Các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của CSGD được lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận. 3. Định kỳ rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL ít nhất 02 năm/lần. 4. Phổ biến cho các bên liên quan trong CSGD về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.	- Các báo cáo tổng kết về công tác ĐBCL và kế hoạch công tác ĐBCL của CSGD hằng năm*. - Biên bản các cuộc họp rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL*. - Các kế hoạch, tài liệu hướng dẫn, phổ biến về cho cán bộ, NH về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL*. - Các văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL*. - Các kế hoạch/báo cáo hoạt động về công tác ĐBCL, các báo cáo hoạt động của trung tâm/bộ phận chuyên trách công tác ĐBCL*. - Trang thông tin điện tử của CSGD. - Các tài liệu giao ban công tác ĐBCL giữa các đơn vị trong CSGD.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.	1. Các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.	1. Có bộ KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL. 2. CSGD sử dụng bộ chỉ số để đo lường/đánh giá kết quả công tác ĐBCL.	- Các văn bản liên quan đến các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đo lường/đánh giá kết quả công tác ĐBCL của CSGD*. - Các kế hoạch chiến lược, kế hoạch hằng năm liên quan đến công tác ĐBCL. - Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động ĐBCL của CSGD*.
TC 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	1. Quy trình lập kế hoạch được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD. 2. Các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	1. CSGD thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. 2. CSGD thực hiện rà soát và cải tiến các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.	- Báo cáo/biên bản rà soát, điều chỉnh và cải tiến quy trình lập kế hoạch, các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính theo mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD*. - Các phiên bản khác nhau của quy trình lập kế hoạch, các KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính về ĐBCL của CSGD, bản đối sánh sự cải tiến giữa các phiên bản*. - Sổ tay ĐBCL. - Kết quả lấy ý kiến hoặc khảo sát các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài			
TC 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.	1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.	1. Có kế hoạch ĐBCL, trong đó xác định rõ lộ trình và kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài CSGD và các CTĐT. 2. Có các hướng dẫn thực hiện tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài, có phổ biến cho các bên liên quan của CSGD. 3. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận và các cá nhân liên quan để thực hiện. 4. Thực hiện các bước chuẩn bị cho tự đánh giá và đánh giá ngoài theo kế hoạch.	- Các chiến lược, kế hoạch ĐBCL giáo dục của CSGD. - Các kế hoạch tự đánh giá, kế hoạch chuẩn bị cho đánh giá ngoài để KĐCLGD CSGD, CTĐT*. - Các quy định, kế hoạch, hướng dẫn, triển khai thực hiện tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD/CTĐT*. - Các quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cho các thành

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
			viên hội đồng*. - Các văn bản liên quan đến việc phổ biến, tập huấn chuẩn bị cho tự đánh giá, đăng ký KĐCLGD CSGD/CTĐT của CSGD trong từng giai đoạn*. - Các văn bản trao đổi với tổ chức KĐCLGD về việc đăng ký KĐCLGD, chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD/CTĐT*.
TC 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.	1. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ. 2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.	1. CSGD thực hiện tự đánh giá theo quy định; có kế hoạch đánh giá ngoài hoặc được đánh giá ngoài ít nhất 1 lần trong chu kỳ đánh giá. 2. CSGD có ít nhất 3 cán bộ có chứng chỉ/chứng nhận đào tạo kiểm định viên KĐCLGD, có ít nhất 1 cán bộ có thể kiểm định viên KĐCLGD. Tất cả các cán bộ tham gia trong hội đồng tự đánh giá CSGD/CTĐT đã từng được tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD.	- Các kế hoạch tự đánh giá, đánh giá ngoài CSGD/CTĐT trong chu kỳ đánh giá*. - Các quyết định thành lập và danh sách thành viên hội đồng tự đánh giá CSGD/CTĐT; bản photo thẻ kiểm định viên, chứng chỉ kiểm định viên KĐCLGD, giấy chứng nhận tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD của các thành viên hội đồng tự đánh giá*. - Các quyết định thành lập và danh sách thành viên Đoàn đánh giá ngoài CSGD/CTĐT*. - Các công văn triệu tập/quyết định cử đi đào tạo và danh sách cán bộ của CSGD đi đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên KĐCLGD, tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD*.
TC 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.	1. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá được rà soát. 2. Các phát hiện và kết quả của việc đánh giá ngoài được rà soát (nếu đã được đánh giá ngoài).	1. Các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động được xác định, phân tích qua quá trình tự đánh giá. 2. Có kế hoạch hành động khả thi để khắc phục tồn tại phát hiện qua quá trình tự đánh giá. 3. Có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau tự đánh giá. 4. Các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động được xác định, phân tích qua quá trình đánh giá ngoài (nếu đã được đánh giá ngoài).	- Báo cáo tự đánh giá CSGD/CTĐT*. - Báo cáo đánh giá ngoài CSGD/CTĐT của đoàn đánh giá ngoài*. - Nghị quyết của hội đồng KĐCLGD, quyết định công nhận đạt chuẩn chất lượng của tổ chức KĐCLGD đối với CSGD/CTĐT. - Các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại, cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, đánh giá ngoài*. - Các báo cáo về kết quả cải tiến chất lượng theo các phát hiện và kết quả tự đánh giá,

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		5. Có kế hoạch hành động khả thi để thực hiện các khuyến nghị cải tiến chất lượng từ kết quả đánh giá ngoài (nếu đã được đánh giá ngoài). 6. Có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động theo khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài (nếu đã được đánh giá ngoài).	đánh giá ngoài*.
TC 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.	1. Quy trình tự đánh giá được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD. 2. Quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.	1. CSGD thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thực hiện tự đánh giá (kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm trong hội đồng tự đánh giá, các bước thực hiện, cách thức thực hiện, xử lý kết quả,...) ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. 2. Quy trình tự đánh giá CSGD/CTĐT được cải tiến. 3. CSGD thực hiện rà soát, đánh giá quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài (kế hoạch, phân công trách nhiệm, các bước thực hiện, cách thức chuẩn bị, lập kế hoạch cải tiến,...) ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. 4. Quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài được cải tiến. 5. Có tổ chức họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCLGD giữa các đơn vị trong CSGD.	- Các biên bản họp rà soát, đánh giá quy trình tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD/CTĐT*. - Các biên bản/bản tổng hợp các ý kiến góp ý về việc tự đánh giá và chuẩn bị cho đánh giá ngoài CSGD/CTĐT*. - Các kế hoạch, nội dung họp, các biên bản/bản tổng hợp ý kiến trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác ĐBCL, KĐCLGD giữa các đơn vị trong CSGD. - Văn bản điều chỉnh, bổ sung quy trình tự đánh giá, quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài (bao gồm cả các quy trình trước và sau điều chỉnh)*.
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong			
TC 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên	Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập.	1. Có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD (bao gồm thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan) nhằm hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Có văn bản phân công trách nhiệm cho bộ phận đầu mối, các bộ phận phối hợp, hỗ trợ trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD.	- Các kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong của CSGD*. - Biên bản các cuộc họp bàn về việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD*. - Các văn bản phân công nhiệm vụ cho các bộ phận, cá nhân trong CSGD đối với việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD*. - Các quy định, hướng dẫn lấy ý kiến phản

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập.		3. Có phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD.	hỏi của các bên liên quan; - Các kế hoạch triển khai việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan. - Phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD*.
TC 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.	1. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định. 2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.	1. CSGD xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong trên nền tảng công nghệ thông tin để hỗ trợ công tác ra quyết định. 2. CSDL về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được phân tích chính xác, đầy đủ cho từng lĩnh vực hoạt động để nâng cao chất lượng. 3. CSDL về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được lưu trữ có hệ thống, sẵn sàng trích xuất khi cần. 4. Có biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong. 5. Các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống thông tin về ĐBCL bên trong được thông báo cho tất cả các cán bộ, GV, nhân viên của CSGD và các bên liên quan khác (nhà cung cấp, đối tác,...).	- Hệ thống quản lý thông tin về ĐBCL bên trong của CSGD trên nền tảng công nghệ thông tin*. - Các báo cáo tổng kết các hoạt động khảo sát, đánh giá về hoạt động giảng dạy của GV, về chất lượng khóa học, về tình trạng việc làm của sinh viên; các bản tổng hợp các ý kiến góp ý của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT, ...*. - Các thông báo về các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn thông tin đối với các dữ liệu thông tin về ĐBCL bên trong cho các bên liên quan trong CSGD*. - Các quy định, hướng dẫn về xử lý, lưu trữ và cơ chế sử dụng kết quả khảo sát. - Các quy định về việc thực hiện báo cáo ba công khai; các báo cáo ba công khai hằng năm của CSGD. - Các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.	Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.	1. CSGD định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong. 2. CSGD định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin. 3. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL có lấy ý kiến và sử dụng phản hồi của các bên liên quan trong CSGD để bổ sung, điều chỉnh.	- Các kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin, hệ thống dữ liệu thông tin ĐBCL bên trong*. - Các quy định, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ thực hiện rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong; đảm bảo số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin*. - Các báo cáo tổng kết về việc thực hiện kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin, hệ thống dữ liệu thông tin ĐBCL bên trong; các ý kiến góp ý cho việc bổ sung, điều chỉnh của các bên liên quan*. - Các bảng dữ liệu, thông tin được bổ sung, điều chỉnh*.
TC 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	1. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	1. Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến. 2. Các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong của CSGD được cải tiến, được đánh giá có hiệu quả. 3. Các thông tin ĐBCL bên trong (bao gồm cả phân tích kết quả đánh giá) được CSGD sử dụng để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	- Các báo cáo tổng kết về kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong; các góp ý cho việc bổ sung, điều chỉnh của các bên liên quan*. - Minh chứng về sự cải tiến các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong của CSGD*. - Các kết quả phân tích thông tin về ĐBCL bên trong và việc sử dụng các kết quả này trong việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Hệ thống CSDL, thông tin của CSGD.
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng			

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Có kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	1. Kế hoạch nâng cao chất lượng có các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Kế hoạch nâng cao chất lượng có tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	- Kế hoạch nâng cao chất lượng các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực của CSGD*. - Cam kết cải tiến và ĐBCL của CSGD. - Các văn bản quy định, hướng dẫn việc thực hiện cải tiến chất lượng; phân công trách nhiệm trong việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động của CSGD*.
TC 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.	1. Các tiêu chí lựa chọn đối tác để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập. 2. Các tiêu chí lựa chọn thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.	1. Có tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh. 2. Có tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng. 3. Có các hướng dẫn sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng.	- Các văn bản quy định, hướng dẫn so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục*. - Danh sách các đối tác trong nước, quốc tế mà CSGD xác định lựa chọn để so chuẩn, đối sánh chất lượng*. - Các tiêu chí/nội dung của các đối tác mà CSGD xác định thực hiện so chuẩn, đối sánh chất lượng*. - Đề án xây dựng CTĐT tiên tiến, chất lượng cao, sau đại học. - Quy định về xây dựng và phát triển ngành, chuyên ngành đào tạo đạt chuẩn quốc tế.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mốc chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.	1. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL. 2. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm khuyến khích đổi mới, sáng tạo.	1. CSGD thực hiện việc so chuẩn và đối sánh chất lượng. 2. Sử dụng kết quả so chuẩn và đối sánh chất lượng để tăng cường các hoạt động ĐBCL. 3. Sử dụng kết quả so chuẩn và đối sánh để khuyến khích đổi mới, sáng tạo.	- Các tiêu chí/nội dung của các đối tác mà CSGD xác định thực hiện so chuẩn, đối sánh chất lượng*. - Các báo cáo đối sánh, bản so chuẩn, đối sánh chất lượng giữa CSGD/CTĐT với CSGD/CTĐT khác*. - Các minh chứng về việc tăng cường các hoạt động ĐBCL của CSGD nhờ có đối sánh*. - Các minh chứng về việc đổi mới, sáng tạo của CSGD nhờ có đối sánh*.
TC 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.	Thực hiện rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh.	1. CSGD thực hiện rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng ít nhất 2 lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. 2. Có tham chiếu các tiêu chí đối sánh của CSGD khác khi lựa chọn, xác định thang đo chuẩn.	- Các văn bản quy định về quy trình rà soát, điều chỉnh quy trình, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng*. - Báo cáo kết quả rà soát, điều chỉnh quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng*.
TC 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	- Các quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh trước và sau cải tiến*. - Báo cáo đánh giá kết quả đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trước và sau cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh*. - Các văn bản về việc chia sẻ kết quả phân tích so chuẩn và đối sánh chất lượng giữa các đơn vị trong CSGD để phục vụ cải tiến chất lượng*. - Các tài liệu hợp rút kinh nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm về quy trình so chuẩn, đối sánh chất lượng đối với các lĩnh vực hoạt động của CSGD.
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học			

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.	1. Xây dựng kế hoạch để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD. 2. Xây dựng chính sách để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD. 3. Truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.	1. Đề án/văn bản quy định về tuyển sinh thể hiện rõ ràng chính sách tuyển sinh. 2. Kế hoạch tuyển sinh có phân công trách nhiệm và xác định thời gian thực hiện. 3. Có kế hoạch truyền thông về tuyển sinh.	- Đề án/văn bản quy định về tuyển sinh*. - Các quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh, phân công trách nhiệm cho các thành viên hội đồng. - CSDL, thống kê kết quả tuyển sinh của những năm trước. - Các biên bản cuộc họp xây dựng đề án/kế hoạch tuyển sinh*. - Kế hoạch tuyển sinh*. - Các thông báo tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin tuyển sinh và trên các phương tiện truyền thông.
TC 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn NH có chất lượng cho mỗi CTĐT.	Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn NH có chất lượng cho mỗi CTĐT.	1. Các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh rõ ràng, theo quy định cho từng CTĐT. 2. Các hình thức thi tuyển/xét tuyển phù hợp, theo quy định.	- Đề án/văn bản quy định về tuyển sinh*. - Văn bản họp hội đồng tuyển sinh xác định tiêu chí lựa chọn NH, hình thức thi/xét tuyển cho từng CTĐT*.
TC 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.	1. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh. 2. Có quy trình giám sát việc nhập học.	1. Có đơn vị/cá nhân được phân công giám sát công tác tuyển sinh và nhập học. 2. Có quy trình/quy định giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.	- Các văn bản phân công trách nhiệm đơn vị/cá nhân giám sát công tác tuyển sinh và nhập học*. - Các quy định/văn bản về quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học. - Các văn bản thể hiện việc giám sát công tác tuyển sinh và nhập học. - Các CSDL về tuyển sinh và nhập học; kết quả tuyển sinh và nhập học hằng năm của các ngành, CTĐT.
TC 13.4. Có các biện pháp giám sát việc	1. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh. 2. Có các biện pháp giám sát việc nhập học.	1. Thực hiện biện pháp giám sát công tác tuyển sinh và nhập học. 2. Đánh giá, phân tích kết quả giám sát công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm.	- Biên bản họp tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học*. - Các biện pháp và công cụ/phương tiện hỗ trợ việc giám sát, phân tích kết quả tuyển

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
tuyển sinh và nhập học.			sinh và nhập học*. - Các kết quả phân tích, đo lường về tuyển sinh và nhập học.
TC 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.	1. Công tác tuyển sinh được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả. 2. Công tác nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.	1. Sử dụng kết quả đánh giá công tác tuyển sinh và nhập học làm căn cứ điều chỉnh chiến lược/chính sách/kế hoạch tuyển sinh, nhập học. 2. Công tác tuyển sinh, nhập học được cải tiến, cập nhật 2 lần trong chu kỳ.	- Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm*. - Các kết quả phân tích, đánh giá về tuyển sinh và nhập học*. - Các văn bản thể hiện việc điều chỉnh công tác tuyển sinh và nhập học. - Bản tổng hợp các ý kiến phản hồi của các bên liên quan tham gia công tác tuyển sinh, nhập học.
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học			
C 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.	1. Có hệ thống thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan. 2. Có hệ thống thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.	1. Có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình dạy học. 2. Có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành đề cương môn học/học phần. 3. Có kế hoạch và phương pháp lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định chương trình dạy học, đề cương môn học/học phần.	- Các quyết định thành lập các hội đồng xây dựng và thẩm định chương trình dạy học, các môn học/học phần*. - Các văn bản giao nhiệm vụ cho cá nhân/đơn vị. - Văn bản quy định, hướng dẫn quá trình xây dựng, giám sát/rà soát, thẩm định và phê duyệt chương trình dạy học*. - Văn bản quy định, hướng dẫn quá trình xây dựng, giám sát/rà soát, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết các môn học/học phần*. - Kế hoạch và phương pháp lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mốc chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.	1. Có hệ thống xây dựng CĐR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. 2. Có hệ thống rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.	1. Có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR cho CTĐT/môn học/học phần. 2. Có kế hoạch tham khảo ý kiến của các bên liên quan về việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR cho CTĐT/môn học/học phần.	- Các quyết định thành lập các hội đồng/ban chỉ đạo/tổ nhóm xây dựng, điều chỉnh CĐR CTĐT/các môn học/học phần*. - Văn bản quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR CTĐT/các môn học/học phần*. - Kế hoạch khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CĐR.
TC 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CĐR.	1. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần dựa trên CĐR được văn bản hóa. 2. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được phổ biến. 3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được thực hiện theo CĐR.	1. Ban hành và công bố chính thức đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy dựa trên CĐR. 2. Giới thiệu, phổ biến đề cương các môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy đến NH bằng nhiều hình thức khác nhau. 3. Các hoạt động dạy học trong đề cương môn học/học phần được triển khai theo kế hoạch, hướng tới đạt được CĐR.	- Các quyết định ban hành đề cương các môn học/học phần*. - Sổ theo dõi giảng dạy/thời khóa biểu*. - Các kế hoạch giảng dạy/ lịch trình giảng dạy từng năm học*. - Văn bản giao nhiệm vụ phổ biến đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy đến NH*. - Trang thông tin điện tử, tờ giới thiệu về CSGD, khoa, CTĐT. - Phần mềm quản lý đào tạo/Sổ tay sinh viên. - Kế hoạch và nội dung tuần sinh hoạt công dân, chương trình gặp gỡ/ đón tiếp NH mới nhập học.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.	1. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học được thực hiện. 2. Việc rà soát các chương trình dạy học được thực hiện.	1. Rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học ít nhất 1 lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. 2. Định kỳ rà soát chương trình dạy học ít nhất 2 năm một lần, trong đó có tham khảo các chương trình dạy học tiên tiến trong nước/quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	- Biên bản họp về việc rà soát các quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học*. - Bảng so sánh chương trình dạy học của CSGD với chương trình dạy học tương ứng của CSGD đối sánh*. - Bảng so sánh các phiên bản khác nhau của chương trình dạy học. - Các ý kiến góp ý của các bên liên quan*.
TC 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.	1. Quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. 2. Chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.	1. Có ban hành quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học. 2. Chương trình dạy học được cải tiến và ban hành đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	- CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu NH về chương trình dạy học, phương pháp và quy trình thực hiện kiểm tra, đánh giá, tổ chức các hoạt động dạy học. - Văn bản ban hành quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học*. - Các phiên bản của chương trình dạy học*. - Đề cương môn học/học phần.
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập			
TC 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CĐR.	1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục. 2. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp để đạt được CĐR.	1. Có tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục; nội dung triết lý phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của CSGD và với xu thế phát triển chung. 2. Có quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục. 3. Có quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được CĐR.	- Tuyên bố về triết lý giáo dục*. - Các CĐR các CTĐT. - Các quy định xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học*. - Phân công trách nhiệm trong việc xác định, lựa chọn và triển khai các hoạt động dạy học.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.	1. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm. 2. Triển khai phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.	1. Thực hiện chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV. 2. Thực hiện phân công nhiệm vụ cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.	- Các chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV*. - Các thông báo tuyển dụng GV hằng năm*. - Danh sách GV được phân công nhiệm vụ hằng năm*.
TC 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CĐR.	Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CĐR.	1. Tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy NH tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức (các chương trình trao đổi, thực tập ngắn hạn, phục vụ cộng đồng, ...). 2. Triển khai các hoạt động học tập đa dạng (dự án đào tạo, đào tạo thực hành, bài tập lớn, thực tập tại doanh nghiệp,...). 3. Ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học/học phần.	- Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu*. - Các dự án đào tạo, đào tạo thực hành, bài tập lớn, thực tập, ... - Danh mục các hình thức/ngành nghề đào tạo/bồi dưỡng*. - Danh mục các phương pháp, công nghệ, thiết bị giảng dạy*. - Các báo cáo tổng kết các hoạt động phục vụ cộng đồng.
TC 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.	1. Các hoạt động dạy và học được giám sát để đảm bảo và cải tiến chất lượng. 2. Các hoạt động dạy và học được đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.	1. Thực hiện giám sát hoạt động dạy và học hằng năm. 2. Thực hiện việc đánh giá GV. 3. Thực hiện đánh giá chất lượng hằng năm từ NH của các ngành đào tạo trong và sau khi ra trường. 4. Triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá NH dựa trên kết quả khảo sát môn học.	- Dữ liệu đánh giá GV, hoạt động tổ chức đào tạo trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*. - Kết quả học tập và rèn luyện của NH trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*. - Thống kê tình hình sử dụng thư viện*. - Các báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm về triển khai các phương pháp dạy học hiện đại, về ứng dụng công nghệ trong dạy học*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.	1. Triết lý giáo dục được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời. 2. Hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.	1. Điều chỉnh triết lý giáo dục ít nhất một lần trong chu kỳ đánh giá; nội dung triết lý phù hợp với CĐR, tiếp cận với xu hướng mới. 2. Điều chỉnh các hoạt động dạy và học ít nhất 2 năm/lần; nội dung điều chỉnh phù hợp với triết lý giáo dục nhằm đạt CĐR. 3. Lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng về triết lý giáo dục và các hoạt động dạy học.	- Các phiên bản tuyên bố về triết lý giáo dục*. - Các văn bản họp về điều chỉnh hoạt động dạy học*. - Các phiếu lấy ý kiến/khảo sát/tổng kết mức độ hài lòng của các bên liên quan về triết lý giáo dục và các hoạt động dạy học*.
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học			
TC 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập.	1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập. 2. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập.	1. Có quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập. 2. Có quy định, hướng dẫn, kế hoạch đánh giá NH; có phân công trách nhiệm cụ thể. 3. Có các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá phù hợp trong quá trình học tập đối với từng môn học/học phần trong chương trình dạy học.	- Các quy định, hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá; các kế hoạch thực hiện xây dựng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi, quy trình thi*. - Các bản phân công trách nhiệm cụ thể trong việc đánh giá NH*. - Các bản mô tả chương trình, đề cương môn học/học phần.
TC 16.2. Các hoạt động đánh giá NH được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR.	1. Các hoạt động đánh giá NH được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR.	1. Thực hiện quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả NH để đạt được CĐR và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan. 2. Thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được CĐR. 3. Các phương pháp kiểm tra đánh giá NH đo lường được mức độ đạt CĐR.	- Văn bản quy định về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá NH*. - Bản mô tả CTĐT, đề cương học phần. - Kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại môn học/học phần*. - Kết quả phân tích/nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại kỳ thi/đánh giá*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá NH được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR.	1. Các phương pháp đánh giá NH được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR. 2. Các kết quả đánh giá NH được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR.	1. Thực hiện rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH định kỳ ít nhất 1 năm/lần . 2. Thực hiện nghiên cứu, phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá NH, sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn NH định kỳ bằng các công cụ hiện đại, hiệu quả. 3. Công bố kết quả đánh giá kịp thời; các trường hợp khiếu nại, phúc tra được xử lý hợp lý. 4. Thực hiện khảo sát/lấy ý kiến của NH, cựu NH.	- Văn bản quy định về rà soát quy trình thi, kiểm tra, đánh giá NH*. - Kết quả phân tích, nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đối với đặc thù mỗi loại môn học/học phần*. - Kết quả phân tích/nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đối với đặc thù các kỳ thi/đánh giá*. - Các ý kiến phản hồi của NH, cựu NH về kiểm tra, đánh giá*.
TC 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.	1. Các loại hình đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR. 2. Các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.	1. Thay đổi/cải tiến các loại hình/phương pháp đánh giá NH. 2. Định kỳ đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình/phương pháp kiểm tra, đánh giá NH. 3. Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thực hiện khoa học, được kiểm chứng trước khi áp dụng và được thông báo công khai cho NH trước khi bắt đầu học mỗi khóa học/kỳ học/học phần. 4. Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.	- Các phiên bản quy định về các loại hình/phương pháp đánh giá NH. - Bản mô tả CTĐT và bản mô tả môn học - Sổ tay sinh viên các năm của chu kỳ đánh giá*. - Các văn bản tổng kết, sơ kết về hiệu quả của các phương pháp kiểm tra, đánh giá được áp dụng trong CTĐT. - Ý kiến phản hồi của về các loại hình/phương pháp đánh giá NH*.
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học			

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH.	1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. 2. Có kế hoạch triển khai hệ thống giám sát NH.	1. Có quy chế/quy định/văn bản về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. 2. Có kế hoạch thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân trong việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. 3. Có hệ thống giám sát NH (phần mềm quản lý; CSDL đánh giá tiến trình học tập, kết quả học tập và nghiên cứu của NH; thanh tra đào tạo,...). 4. Có bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ; đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ.	- Quy chế/quy định/danh mục về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH (tư vấn đào tạo, hoạt động ngoại khóa, xử lý khiếu nại, hỗ trợ sinh viên kém và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và các dịch vụ hỗ trợ khác)*. - Minh chứng về các hệ thống giám sát NH*. - Các kế hoạch thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân trong việc triển khai các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH. - Hệ thống quản lý đào tạo, phần mềm quản lý đào tạo. - CSDL có kết quả đánh giá NH trong cả tiến trình học tập. - Các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; kế hoạch/phương pháp đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về dịch vụ hỗ trợ*.
TC 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	1. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. 2. Các hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	1. Có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập cho NH; có đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ có đủ trình độ tư vấn, hỗ trợ NH. 2. Có triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. 3. Có triển khai các hoạt động giám sát tiến trình học tập và hiệu quả học tập của NH. 4. Có khảo sát NH về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát.	- Các quyết định thành lập và phân công nhiệm vụ các đơn vị tư vấn, cung cấp dịch vụ hỗ trợ NH*. - Minh chứng về cán bộ, nhân viên hỗ trợ và phục vụ có đủ năng lực, trình độ. - Sổ theo dõi hoạt động của các đơn vị phục vụ, hỗ trợ. - Kết quả theo dõi tiến trình và kết quả học tập của NH*. - Danh sách NH tham gia vào các câu lạc bộ, các nhóm nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi, ... - Danh sách, quyết định thành lập các câu

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mốc chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
			lạc bộ, hội nhóm. - Các kế hoạch, minh chứng về tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho NH. - Phản hồi của NH về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát.
TC 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát.	1. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được rà soát. 2. Hệ thống giám sát NH được rà soát.	1. Thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát. 2. Thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát NH và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát.	- Quy chế/quy định/biên bản họp về việc triển khai rà soát, đánh giá các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, giám sát NH*. - Các kết quả thanh tra/kiểm tra hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, giám sát NH*. - Các kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; các mức độ hài lòng về dịch vụ hỗ trợ*.
TC 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	1. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. 2. Hệ thống giám sát NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	1. Có các chỉ số cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. 2. Có các chỉ số cải thiện về phần mềm quản lý NH, CSDL về kết quả đánh giá NH, hệ thống cố vấn học tập,... 3. Ít nhất 75% số NH, cựu NH (được khảo sát) hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát NH.	- Các chỉ số cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH*. - Các chỉ số cải thiện về phần mềm quản lý NH, CSDL về kết quả đánh giá NH, hệ thống cố vấn học tập,... cho NH*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) về đánh giá của NH đối với các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát NH*.
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học			

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.	1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu. 2. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát chất lượng cán bộ nghiên cứu. 3. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các nguồn lực nghiên cứu 4. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.	1. Có cơ cấu tổ chức quản lý việc thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu. 2. Có các chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu. 3. Có các quy định/hướng dẫn công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu, quy định về khối lượng NCKH đối với cán bộ, GV. 4. Có kế hoạch, dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH hằng năm theo quy định. 5. Có các tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng NCKH; có bộ phận theo dõi, giám sát, đánh giá về chất lượng các NCKH.	- Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ cho bộ phận tổ chức, quản lý, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu *. - Văn bản quy định các chính sách, cơ chế giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu*. - Sơ đồ tổ chức các đơn vị và trung tâm nghiên cứu*. - Quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu của CSGD*; - Các quy trình đề xuất, quản lý nhiệm vụ KHCN; quy định về khối lượng NCKH đối với cán bộ, GV,...*. - Kế hoạch/dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH hằng năm. - Hướng dẫn thực thi đạo đức trong NCKH; quy định về sở hữu trí tuệ, quản lý tài sản trí tuệ trong CSGD. - Các tiêu chí đánh giá chất lượng NCKH. - Phân công bộ phận theo dõi, giám sát, đánh giá về chất lượng các NCKH.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	1. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	1. Triển khai chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu. 2. Thiết lập các nhóm nghiên cứu (như nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu tiềm năng, đầu tư cho nghiên cứu đỉnh cao, những phát kiến khoa học đối với CSGD định hướng nghiên cứu) và có chính sách thu hút cán bộ, GV, NH tham gia vào các hoạt động nghiên cứu. 3. Triển khai các hoạt động hợp tác NCKH hoặc chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp hoặc tổ chức xã hội; có hoạt động NCKH hợp tác/phối hợp với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước. 4. Triển khai hoạt động KHCN theo kế hoạch đã đề ra (đã cấp kinh phí, đã tổ chức các hoạt động tương ứng trong kế hoạch,...).	- Kết quả huy động kinh phí cho NCKH*. - Danh mục sản phẩm nghiên cứu được thương mại hóa; chương trình hội thảo công bố quốc tế; hội thảo sản phẩm ứng dụng*. - Các quyết định hỗ trợ tác giả bài báo quốc tế; hỗ trợ hội nghị, hội thảo; hỗ trợ các nhóm nghiên cứu. - Các sản phẩm NCKH (bài báo, sách chuyên khảo, bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, đề xuất chính sách được ghi nhận) tương ứng với kế hoạch hoạt động KHCN hằng năm. - Hợp đồng hợp tác về NCKH với các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo hoặc với các doanh nghiệp (trong và ngoài nước); thống kê nguồn kinh phí thu được từ các hợp đồng hợp tác này*. - Bảng kê các tài liệu, sách báo, trang thiết bị nghiên cứu được đầu tư mới hoặc nâng cấp (nếu có) của CSGD trong khuôn khổ các hợp đồng hợp tác này.
TC 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.	1. Các KPIs được sử dụng để đánh giá số lượng nghiên cứu. 2. Các KPIs được sử dụng để đánh giá chất lượng nghiên cứu.	1. Xây dựng các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu. 2. Sử dụng các tiêu chí đánh giá chất lượng NCKH, số lượng nghiên cứu để đánh giá mức độ đạt được các KPIs đã xác lập (số lượng các dự án nghiên cứu, kinh phí nghiên cứu và tài trợ, các giải thưởng, các ấn phẩm, các dự án hợp tác nghiên cứu, sáng chế và bản quyền tác giả,...); đánh giá tác động của NCKH của CSGD và mức độ đóng góp cho xã hội. 3. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện các KPIs làm căn cứ đề xuất, điều chỉnh các kế hoạch KHCN cho từng giai đoạn.	- Danh mục KPIs; thống kê các chỉ số đạt được và định hướng chỉ tiêu phấn đấu của các đơn vị*. - Các biên bản họp, hội nghị đánh giá/rà soát/điều chỉnh KPIs và các kế hoạch NCKH*. - Các báo cáo tổng kết hoạt động của CSGD các năm học và kế hoạch nhiệm vụ năm học sau. - Báo cáo hằng năm về tình hình triển khai hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu tiềm năng, đầu tư cho nghiên cứu đỉnh cao, những phát kiến khoa học đối với CSGD định hướng nghiên cứu.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.	Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.	1. Công tác quản lý nghiên cứu được lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan. 2. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến và được đánh giá tốt.	- CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) về đánh giá, phản hồi của các bên liên quan đối với công tác NCKH, công tác quản lý nghiên cứu*. - Kết quả tổng kết, đánh giá, thi đua, khen thưởng đối với quản lý nghiên cứu khoa học. - Các kết quả đánh giá/xếp hạng về NCKH*.
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ			
TC 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.	1. Thiết lập được hệ thống quản lý các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu. 2. Thiết lập được hệ thống bảo hộ các sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.	1. Có đơn vị/bộ phận/nhân sự quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu. 2. Có quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế. 3. Có chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu. 4. Có quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hóa và trích dẫn). 5. Có quy định về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu.	- Văn bản quy định rõ về chuẩn mực, đạo đức, bảo hộ phát minh, sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế*. - Văn bản về chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu được phê duyệt*. - Văn bản quy định về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu*. - Các công cụ hỗ trợ quản lý sở hữu trí tuệ (nếu có). - Thống kê và danh mục các đề tài NCKH của CSGD thực hiện trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (chủ trì, tên, cấp quản lý, ...). - Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu trí tuệ (nếu có). - Văn bản giải quyết xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (nếu có). - Phân công trách nhiệm và hướng dẫn cho các bộ phận/cá nhân quản lý/hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CSGD*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	1. Hệ thống đăng ký tài sản trí tuệ được triển khai. 2. Hệ thống lưu trữ tài sản trí tuệ được triển khai. 3. Hệ thống khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	1. Các tài sản trí tuệ phải được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật. 2. CSGD phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, GV các quy định về quyền sở hữu trí tuệ (như đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ, GV thuộc CSGD). 3. CSGD thực hiện việc xây dựng CSDL; rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ.	- Các bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu...*. - Hệ thống dữ liệu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu của CSGD cập nhật từng năm*. - Các ấn phẩm khoa học. - Các văn bản yêu cầu, quy định hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ*. - Các thử nghiệm, sản xuất thử và thương mại hóa. - Các hợp đồng thương mại hóa các tài sản trí tuệ*.
TC 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.	Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.	1. CSGD triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ ít nhất 2 lần trong chu kỳ đánh giá. 2. Có tổng kết, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ.	- Báo cáo tổng kết, đánh giá, rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ của CSGD*. - Các minh chứng về việc triển khai các hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ (kế hoạch rà soát, kết quả rà soát,...)*.
TC 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.	Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.	1. Có kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng có hiệu quả. 2. Ít nhất 75% số các bên liên quan (được khảo sát) hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ của CSGD.	- Các kế hoạch cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ sau rà soát, đánh giá*. - Các báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ*. - Các báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản trí tuệ hằng năm (trong đó bao gồm đánh giá tổng nguồn thu từ khai thác thương mại tài sản trí tuệ)*. - Các ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan về công tác quản lý tài sản trí tuệ của CSGD*.
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học			

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.	Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.	1. Có quy định về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu. 2. Có chiến lược phát triển hợp tác, đối tác; các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của CSGD. 3. CSGD có các quy định, hướng dẫn, phổ biến thực hiện; có phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận, cá nhân, có kết nối giữa các bộ phận đầu mối và các khoa, phòng trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác. 4. CSGD có các KPIs cho các chiến lược, kế hoạch tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH.	- Văn bản về chiến lược, kế hoạch phát triển hoạt động hợp tác và đối tác trong nghiên cứu*. - Văn bản quy định cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của CSGD và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động hợp tác phát triển*. - Thống kê về các đoàn ra, đoàn vào trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, các CTĐT liên kết quốc tế*. - Các báo cáo sau khi đi công tác nước ngoài. - Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD*. - Hợp đồng/biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác của CSGD với các CSGD/tổ chức quốc tế.
TC 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.	1. Triển khai được các chính sách thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu. 2. Triển khai được các quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.	1. Triển khai các hoạt động theo chiến lược phát triển, kế hoạch hợp tác, phát triển đối tác để đạt được các KPIs cụ thể. 2. Lựa chọn các đối tác và hợp tác NCKH phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD. 3. Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu theo các hình thức đa dạng, cách thức phù hợp. 4. Đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác. 5. Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả về NCKH. 6. Có các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức với các đối tác trong và ngoài nước.	- Các kế hoạch hoạt động hợp tác phát triển hằng năm; các minh chứng triển khai các hoạt động theo kế hoạch*. - Thống kê về các đoàn ra, đoàn vào trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (có liên quan đến các dự án hợp tác nghiên cứu), các CTĐT liên kết quốc tế. - Thống kê nguồn kinh phí thu hoặc bảng kê các trang thiết bị nghiên cứu mới được đầu tư trong các hoạt động hợp tác quốc tế (trao đổi khoa học/sinh viên, liên kết đào tạo quốc tế, đề tài khoa học, dự án, ...) trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*. - Thống kê các hợp đồng hợp tác NCKH và công nghệ trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
			- Thống kê danh mục trích ngang các công trình (sách, bài báo, ...) công bố chung. - Thống kê về các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức (tên, thời gian, địa điểm, đối tác, kinh phí phân bổ hai bên)*. - Các báo cáo hội nghị/hội thảo, tổng kết hoạt động hợp tác nghiên cứu hằng năm của CSGD. - Hợp đồng/biên bản ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác của CSGD với các CSGD/tổ chức quốc tế*.
TC 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.	1. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được xây dựng. 2. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện..	1. Có bộ phận/nhân sự và quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH. 2. Tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể (theo giai đoạn, giữa giai đoạn) làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược. 3. Rà soát, đánh giá tính hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác (trong đào tạo, trong NCKH) và từ các đối tác ít nhất 01 lần trong chu kỳ đánh giá.	- Văn bản quy định về hệ thống rà soát tính hiệu quả*. - Các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hoạt động hợp tác*. - Dữ liệu khảo sát, đánh giá gốc và báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá về các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hoạt động hợp tác*. - Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD.
TC 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.	Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.	1. Thực hiện cải thiện các mối quan hệ trong NCKH, lựa chọn lại các đối tác sau rà soát để đạt được hiệu quả từ những hoạt động hợp tác, phát triển đối tác của CSGD. 2. CSGD gia tăng được các mối quan hệ hợp tác và đối tác (các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và có thêm các đối tác xứng tầm). 3. Kết quả của các hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của CSGD đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu.	- Các văn bản về chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, các hợp tác*. - Các báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển hằng năm của CSGD*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		4. Các hoạt động hợp tác và đối tác của CSGD làm gia tăng các nguồn lực cho CSGD (nhân lực, tài lực).	
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng			
TC 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	1. Xây dựng được kế hoạch kết nối các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD. 2. Xây dựng được kế hoạch cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.	1. CSGD có các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD. 2. Có quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật (quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng). 3. Có quy định về nhiệm vụ và nhân sự chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng.	- Văn bản về chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng*. - Văn bản quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật (quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng)*. - Văn bản quy định về nhiệm vụ và nhân sự chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng*. - Các nghị quyết, quyết định của đảng và chính quyền về các hoạt động phục vụ cộng đồng*. - Các hợp đồng, hợp tác giữa CSGD và đối tác. - Các thông tin có liên quan trên trang thông tin điện tử của CSGD. - Ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, nhân viên và các bên liên quan.
TC 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.	1. Các chính sách cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện. 2. Các hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.	1. Các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD được triển khai, mang lại kết quả cụ thể (các hoạt động tình nguyện của GV và NH; các chuyển giao KHCN, ...). 2. Các quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật (quy định rõ	- Hồ sơ thực hiện từng hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng*. - Báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động kết nối và dịch vụ cộng đồng*. - Các hợp đồng, ký kết hợp tác, giữa CSGD và đối tác*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng) được tuân thủ.	- Các thông tin có liên quan trên trang thông tin điện tử của CSGD; các hình ảnh tổ chức các hoạt động. - Các phê duyệt kinh phí đầu tư của CSGD cho các hoạt động xã hội; bản kê kinh phí thu được từ các hoạt động dịch vụ*. - Ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, nhân viên và các bên liên quan.
TC 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.	1. Triển khai được hệ thống đo lường việc kết nối và phục vụ cộng đồng. 2. Triển khai được hệ thống giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.	1. Xây dựng hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng. 2. Có CSDL về các hoạt động phục vụ cộng đồng: kế hoạch; các bên tham gia; các đóng góp cho xã hội; các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao. 3. Có thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng. 4. Triển khai đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để tăng trách nhiệm đối với xã hội.	- Văn bản quy định hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng*. - Báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng*. - Hồ sơ phê duyệt kinh phí đầu tư của CSGD cho các hoạt động xã hội; hồ sơ về nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ*. - Hồ sơ, điều kiện về việc thực hiện từng hoạt động phục vụ cộng đồng: kế hoạch; các bên tham gia; các đóng góp cho xã hội; các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao*. - Các thông tin trên trang thông tin điện tử của CSGD; các hình ảnh tổ chức các hoạt động. - Ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, nhân viên và các bên liên quan.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	1. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. 2. Hoạt động kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	1. Có kế hoạch cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng. 2. Các hoạt động thực hiện cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan theo kế hoạch. 3. Ít nhất 75% số các bên liên quan (được khảo sát) hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng.	- Kế hoạch cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng*. - Báo cáo kết quả thực hiện các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan hằng năm*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) về sự hài lòng của các bên liên quan đối với dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng*. - Bảng kê danh mục thu nhập từ các dịch vụ cộng đồng.
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo			
TC 22.1. Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập. 2. Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được giám sát. 3. Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được đối sánh để cải tiến.	1. Có kế hoạch đào tạo trong đó xác định, phân tích dự đoán được tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (không tính thời gian được kéo dài), tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT. 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp. 3. Thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học (đối sánh và dự đoán được xu thế tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học năm trước, năm sau của cùng CTĐT; giữa các CTĐT của CSGD; với các CTĐT tương ứng trong nước và quốc tế). 4. Có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT; giảm tỷ lệ học lại, thi lại môn học/học phần.	- Kế hoạch đào tạo của CSGD, đơn vị đào tạo (trong đó có xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT)*. - CSDL về NH tham gia CTĐT, các môn học/học phần (tuyển sinh đầu vào; kết quả rèn luyện và học tập các học kỳ; tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần, ... trong 5 năm của chu kỳ đánh giá)*. - Bản đối sánh trong nước và quốc tế về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại môn học/học phần*. - Báo cáo thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh và các quyết định về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
			sau rà soát, điều chỉnh*.
TC 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập. 2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được giám sát. 3. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được đối sánh để cải tiến.	1. Có kế hoạch đào tạo trong đó xác lập được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho tất cả các CTĐT. 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp. 3. Có thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình (đối sánh tỷ lệ khóa trước, khóa sau của cùng CTĐT; giữa các CTĐT của CSGD; với các CTĐT tương ứng trong nước); dự đoán được thời gian tốt nghiệp trung bình của NH tất cả các CTĐT. 4. Có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.	- Kế hoạch đào tạo của CSGD, đơn vị đào tạo (trong đó có xác lập, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình của NH cho tất cả các CTĐT)*. - CSDL về NH của tất cả các CTĐT (trong đó có theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình trong 5 năm của chu kỳ đánh giá)*. - Báo cáo thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của NH của tất cả các CTĐT trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*. - Bản đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ở tất cả các CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh và các quyết định điều chỉnh về tỷ lệ tốt nghiệp trung bình sau rà soát, điều chỉnh.
TC 22.3. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập. 2. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được giám sát. 3. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được đối sánh để cải tiến.	1. Có kế hoạch đào tạo trong đó xác định được tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. 3. Tỷ lệ có việc làm trong vòng 01 năm sau khi tốt nghiệp đạt từ 50% trở lên, trong đó 20% phù hợp với chuyên ngành đào tạo; tỷ lệ có việc làm trong vòng 03 năm sau khi tốt nghiệp đạt từ 80% trở lên, trong đó 50% đúng chuyên môn. 4. Thực hiện việc đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của NH sau khi tốt	- Kế hoạch đào tạo của CSGD, đơn vị đào tạo (trong đó có xác lập, dự đoán khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT)*. - CSDL về NH (trong đó có theo dõi tình trạng việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT trong 5 năm của chu kỳ đánh giá)*. - Báo cáo thống kê, theo dõi; báo cáo tổng kết, đánh giá tình trạng việc làm của NH ở tất cả các CTĐT trong 5 năm của chu kỳ đánh giá*. - Bản đối sánh về khả năng có việc làm của NH; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		ngành của tất cả các CTĐT (đối sánh tỷ lệ khóa trước, khóa sau của cùng CTĐT; giữa các CTĐT của CSGD; với các CTĐT tương ứng trong nước); dự đoán được tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. 5. Có biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.	khả năng có việc làm của NH ở tất cả các CTĐT; các kế hoạch cải tiến chất lượng*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về tỷ lệ có việc làm, mức độ đáp ứng công việc của NH sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT sau rà soát, điều chỉnh.
TC 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập. 2. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được giám sát. 3. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được đối sánh để cải tiến.	1. Có kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. 2. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan (quy trình, phương pháp, công cụ, chỉ số) để thu thập thông tin về sự hài lòng đối với chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. 3. Có thực hiện khảo sát, đánh giá về mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. 4. Có cơ chế giám sát và sử dụng thông tin phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. 5. Có thực hiện việc đối sánh về sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của NH sau tốt nghiệp của khóa trước và khóa sau của tất cả các CTĐT. 6. Có biện pháp cải tiến và thực hiện để nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.	- Kế hoạch đào tạo của CSGD, đơn vị đào tạo (trong đó có xác lập, dự đoán khả năng/mức độ hài lòng của các bên liên quan (cựu NH, GV, nhà sử dụng lao động, cán bộ quản lý) về chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT)*. - Các quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan (cựu NH, GV, nhà sử dụng lao động, cán bộ quản lý) về chất lượng của NH tốt nghiệp*. - Phiếu đánh giá, dữ liệu đánh giá, báo cáo đánh giá/báo cáo thống kê về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả CTĐT*. - Bản đối sánh về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về dự đoán khả năng/mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH sau tốt nghiệp của khóa trước và khóa sau*. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
			CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng CTĐT dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp*.
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học			
TC 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập. 2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được giám sát. 3. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được đối sánh để cải tiến.	1. Có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu phải thực hiện (ví dụ số lượng công trình NCKH, bài báo, tham dự hội thảo... theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc khác nhau) theo quy định hiện hành (tham khảo thêm TC 18.3). 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu (các quy định hướng dẫn, hướng đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, ...). Có CSDL được cập nhật về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV và cán bộ nghiên cứu. 3. Có hệ thống thu thập	- Kế hoạch phát triển KHCN của CSGD, trong đó có xác lập các chỉ số về loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - Văn bản quy định về hoạt động NCKH (trong đó có quy định về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu) của GV, nghiên cứu viên*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - CSDL về hoạt động nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên*. - Bản đối sánh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV và cán bộ nghiên cứu*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động KHCN dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - Các báo cáo kết quả nghiên cứu*. - Văn bản đăng ký bằng sáng chế, nhãn hiệu bản quyền, các ấn phẩm, các trích dẫn, các hợp đồng chuyển giao và thương mại hóa; bảng tổng hợp thu chi tài chính trong hoạt động NCKH hằng năm.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu. 4. Có thực hiện việc đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được đối sánh (đối sánh trong nước, quốc tế, đối sánh theo lĩnh vực). 5. Có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu.	
TC 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được xác lập. 2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được giám sát. 3. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được đối sánh để cải tiến.	1. Có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà NH thực hiện. 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của NH (các quy định hướng dẫn, hướng đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, ...). Có CSDL được cập nhật về các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu	- Kế hoạch phát triển KHCN của CSGD, trong đó có xác định các chỉ số về loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH*. - Văn bản quy định về hoạt động NCKH (trong đó có quy định về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu) của NH*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của NH*. - CSDL về hoạt động nghiên cứu của NH*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu NH*. - Bản đối sánh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động KHCN dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH của NH. - Các báo cáo kết quả nghiên cứu*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		của NH. 3. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của NH. 4. Thực hiện việc đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của NH được đối sánh (đối sánh trong nước, quốc tế, đối sánh theo lĩnh vực). 5. Có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của NH.	- Văn bản đăng ký bằng sáng chế, nhãn hiệu bản quyền, các ấn phẩm, các trích dẫn, các hợp đồng chuyển giao và thương mại hóa; bảng tổng hợp thu chi tài chính trong hoạt động NCKH hằng năm.
TC 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập. 2. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được giám sát. 3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được đối sánh để cải tiến.	1. Có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn cho từng năm và theo giai đoạn. 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát, có CSDL được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF. 3. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. 4. Thực hiện việc đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các	- Kế hoạch phát triển KHCN của CSGD, trong đó có xác lập các chỉ số về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn*. - Văn bản quy định về hoạt động NCKH (trong đó có quy định về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn, chỉ số IF)*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - CSDL về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn*. - Bản đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		trích dẫn. 5. Có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.	chất lượng hoạt động KHCN dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của các công trình công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. - Các báo cáo kết quả nghiên cứu*. - Văn bản đăng ký bằng sáng chế, nhãn hiệu bản quyền, các ấn phẩm, các trích dẫn, các hợp đồng chuyển giao và thương mại hóa; bảng tổng hợp thu chi tài chính trong hoạt động NCKH hằng năm.
TC 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác định. 2. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được giám sát. 3. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được đối sánh để cải tiến.	1. CSGD có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, trong đó có quy định về việc sở hữu trí tuệ. 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ (các quy định hướng dẫn, nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ các tài sản trí tuệ; tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, ...). Có CSDL được cập nhật về tài sản trí tuệ. 3. Thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hằng năm; có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của CSGD. 4. Thực hiện việc đối sánh	- Văn bản quy định về hoạt động NCKH (trong đó có quy định về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ)*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của CSGD*. - Bản đối sánh về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. 5. Có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.	
TC 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác định. 2. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được giám sát. 3. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được đối sánh để cải tiến.	1. CSGD có văn bản quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Tổng chi cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng các quy định hiện hành. 2. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của GV, cán bộ nghiên cứu về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. 3. Có hệ thống giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu (các quy định, hướng dẫn, tiêu chí, phương pháp đánh giá, ...). 4. Thực hiện đối sánh, điều chỉnh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu hằng năm. Có kế hoạch nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động nghiên cứu.	- Kế hoạch, chiến lược phát triển KHCN và tài chính của CSGD, trong đó có xác lập các chỉ số về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. - Văn bản quy định về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của CSGD*. - Báo cáo tài chính (trong đó có báo cáo về tài chính cho hoạt động nghiên cứu) từng năm của CSGD*. - CSDL về hoạt động của các quỹ nghiên cứu của CSGD*. - Hệ thống giám sát về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu*. - Bản đối sánh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về mức độ phù hợp của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. - Các quyết định, kết luận, việc đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng thông qua hoạt động nghiên cứu*.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác định. 2. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được giám sát. 3. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được đối sánh để cải tiến.	1. CSGD có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) trong hoạt động KHCN của CSGD. 2. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp). 3. Có các đơn vị khởi nghiệp, thử nghiệm cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp). 4. Thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp); thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo.	- Kế hoạch, chiến lược phát triển KHCN của CSGD, trong đó có xác lập các chỉ số về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)*. - Văn bản quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)*. - CSDL về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) của CSGD. - Báo cáo về các giai đoạn thử nghiệm, chuyển giao và thương mại hóa. - Hệ thống giám sát về kết quả nghiên cứu và sáng tạo. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp). - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động KHCN căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp). - Bản đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp).

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng			
TC 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập. 2. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được giám sát. 3. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được đối sánh để cải tiến.	1. Có văn bản quy định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 2. Có hệ thống giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 3. Có thực hiện đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội; thực hiện rà soát, điều chỉnh loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 4. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 5. Có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về hoạt động này.	- Kế hoạch, chiến lược phát triển của CSGD, trong đó có xác lập các chỉ số về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. - Văn bản quy định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - Hệ thống giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - Báo cáo kết quả đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - CSDL về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập. 2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được giám sát. 3. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được đối sánh để cải tiến.	1. Có kế hoạch và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. 2. Có hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 3. Có thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 4. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 5. Có kế hoạch cải tiến chất lượng về chất lượng phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về hoạt động này.	- Kế hoạch và báo cáo thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng*. - Hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - Báo cáo kết quả đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - Kết quả khảo sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - Kế hoạch cải tiến chất lượng về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập. 2. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được giám sát. 3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được đối sánh để cải tiến.	1. CSGD có kế hoạch và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên. 2. Có hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên. 3. Có thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 4. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên. 5. Có kế hoạch cải tiến chất lượng về chất lượng phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên.	- Kế hoạch và báo cáo thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên*. - Hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên*. - Báo cáo kết quả đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập. 2. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được giám sát. 3. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được đối sánh để cải tiến.	1. CSGD có kế hoạch và thực hiện khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội hằng năm. 2. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 3. Có hệ thống giám sát về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 4. Có thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội; thực hiện rà soát, điều chỉnh các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội hằng năm. 5. Có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.	- Kế hoạch, chiến lược phát triển của CSGD, trong đó có xác lập các chỉ số về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. - Kế hoạch khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội hằng năm*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) việc thu thập thông tin phản hồi về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - Hệ thống giám sát về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - Bản đối sánh về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*. - Báo cáo tổng kết, đánh giá, sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội*.
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường			

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
TC 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập. 2. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được giám sát. 3. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được đối sánh để cải tiến.	1. CSGD có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 3. Có thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm. 4. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 5. Có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 6. Có CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và	- Kế hoạch, chiến lược phát triển của CSGD, trong đó có xác lập kết quả và các chỉ số về tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Văn bản quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. Báo cáo về kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm (trong 5 năm của chu kỳ đánh giá)*. - Báo cáo về tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm (trong 5 năm của chu kỳ đánh giá). - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - CSDL về kết quả của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Bản đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mức chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		phục vụ cộng đồng.	
TC 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập. 2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được giám sát. 3. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được đối sánh để cải tiến.	1. CSGD có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 2. Có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 3. Có thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm. 4. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 5. Có kế hoạch cải	- Kế hoạch, chiến lược phát triển của CSGD, trong đó có xác định kết quả và các chỉ số về thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Văn bản quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Văn bản thể hiện hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng*. - Báo cáo thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; thực hiện rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm (trong 5 năm của chu kỳ đánh giá)*. - Báo cáo về kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm (trong 5 năm của chu kỳ đánh giá). - Báo cáo về thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm (trong 5 năm của chu kỳ đánh giá). - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - CSDL về kết quả của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. - Hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; - Các quyết định, kết luận, đầu tư dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thể hiện sự cải tiến chất lượng của CSGD. - Bản đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Yêu cầu của tiêu chí	Mốc chuẩn tham chiếu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4	Gợi ý nguồn minh chứng
		tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 6. Có CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Ghi chú:

1. Các chữ viết tắt: Chuẩn đầu ra: CĐR; Chương trình đào tạo: CTĐT; Chương trình dạy học: CTDH; Cơ sở giáo dục: CSGD; Cơ sở dữ liệu: CSDL; Đảm bảo chất lượng: ĐBCL; Giảng viên: GV; Nghiên cứu khoa học: NCKH; Nghiên cứu viên: NCV; Người học: NH; Khoa học công nghệ: KHCN; Kiểm định chất lượng giáo dục: KĐCLGD.

2. Cột “Gợi ý nguồn minh chứng”: Minh chứng có dấu * là minh chứng phổ biến, có liên quan trực tiếp tới yêu cầu của tiêu chí. Trong quá trình đánh giá, cơ sở giáo dục dựa vào các gợi ý này để tìm minh chứng phù hợp, đồng thời có thể bổ sung các minh chứng khác (nếu có); đoàn đánh giá ngoài có thể sử dụng thêm minh chứng là kết quả khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan trong quá trình đánh giá ngoài.

3. Minh chứng bao gồm cả file số hóa và bản cứng. Về nguyên tắc, để chứng minh cho một việc (qua mốc chuẩn tham chiếu) đã được thực hiện hằng năm trong cả 5 năm của chu kỳ đánh giá, CSGD cần tập hợp đủ minh chứng ở cả 5 năm. Tuy nhiên, để đánh giá tiêu chí đạt mức 4: năm 2020 cần có minh chứng của 4 năm; từ năm 2021 cần có đủ minh chứng của 5 năm.

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG